

Số: *6187*/QĐ-UBND

Hà nội, ngày 30 tháng 12 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt “Quy hoạch mạng lưới quan trắc Tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hà Nội đến năm 2020”

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003 ;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 20 tháng 5 năm 1998 ;

Căn cứ Quyết định số 16/2007/QĐ-TTg ngày 29/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Quy hoạch tổng thể mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia đến năm 2020” ;

Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình khí tượng thủy văn ngày 02 tháng 12 năm 1994 ;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng thẩm định Dự án Quy hoạch mạng lưới quan trắc Tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hà Nội đến năm 2020 ngày 13/12/2011 theo Quyết định số 5581/QĐ-UBND ngày 29/11/2011 của UBND Thành phố Hà Nội ;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại Tờ trình số 4834/TTr-STNMT ngày 16/12/2011,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Phê duyệt “Quy hoạch mạng lưới quan trắc Tài nguyên nước trên địa bàn Thành phố Hà Nội đến năm 2020” (sau đây gọi tắt là Quy hoạch) với những nội dung chủ yếu sau :

I. Quan điểm :

1. Quy hoạch phải có tính kế thừa, tận dụng và phát huy tối đa cơ sở vật chất kỹ thuật và đội ngũ quan trắc viên hiện có; sửa chữa, nâng cấp hoặc đầu tư xây dựng mới các trạm, điểm quan trắc phải tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, yêu cầu bảo vệ tài nguyên - môi trường, đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin, số liệu điều tra cơ bản phục vụ phát triển bền vững đất nước trong từng giai đoạn.

2. Mạng lưới quan trắc tài nguyên nước trên địa bàn Hà Nội được quy hoạch phải bảo đảm tính đồng bộ, tiên tiến, hiện đại, trên phạm vi toàn lãnh thổ và có đội ngũ cán bộ đủ năng lực để vận hành. Cùng một yếu tố quan trắc, tại mỗi thời điểm và vị trí xác định, việc quan trắc chỉ do một đơn vị sự nghiệp thực hiện theo một quy trình thống nhất.

3. Mạng lưới quan trắc tài nguyên nước trên địa bàn Hà Nội là một hệ thống mở, liên tục được bổ sung, nâng cấp và hoàn thiện, kết nối và chia sẻ thông tin

bảo đảm thông suốt từ trung ương đến địa phương với sự quản lý thống nhất của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

4. Từng bước hiện đại hóa công nghệ, máy móc và thiết bị quan trắc trên cơ sở áp dụng rộng rãi các công nghệ nghiên cứu tạo ra ở trong nước và tiếp thu, làm chủ được các công nghệ tiên tiến của nước ngoài.

5. Hoạt động quan trắc tài nguyên và môi trường để thu thập và cung cấp thông tin, số liệu điều tra cơ bản phục vụ bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước được bảo đảm chủ yếu bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, đồng thời có cơ chế phù hợp để huy động thêm các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

II. Mục tiêu:

b) Mục tiêu tổng quát:

Bổ sung, hoàn thiện mạng lưới quan trắc Tài nguyên nước để đánh giá sự thay đổi chất lượng và trữ lượng của nước mặt và nước dưới đất cũng như mối quan hệ giữa chúng, mối quan hệ giữa những nhân tố hình thành nên nước dưới đất, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững của Thủ đô Hà Nội trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thiết lập được hệ thống mạng lưới quan trắc Tài nguyên nước đồng bộ trên địa bàn thành phố Hà Nội để: Phục vụ công tác quản lý Nhà nước về Tài nguyên nước; Tổng hợp cung cấp thông tin, số liệu hàng năm về diễn biến mực nước, chất lượng nước của các tầng chứa nước; diễn biến mực nước, chất lượng nước của các sông chính chảy qua địa bàn Hà Nội.

2. Mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn:

a) Giai đoạn 2011 - 2015:

- Xây dựng và hoàn thiện cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý và điều hành; đào tạo bổ sung đội ngũ quan trắc viên, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của mạng lưới quan trắc tài nguyên nước Hà Nội phù hợp với mạng quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia;

- Bổ sung, sửa đổi các quy định, quy trình, quy phạm, chỉ tiêu quan trắc một cách đồng bộ, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ quan trắc của lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn Hà Nội;

- Xây dựng và đưa vào vận hành ít nhất $\frac{1}{2}$ số trạm dự kiến xây mới, trọng tâm là những khu vực, những yếu tố quan trắc có nhu cầu cấp bách phục vụ phòng chống thiên tai và bảo vệ tài nguyên nước;

- Nâng cấp cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường, bảo đảm thông tin thông suốt, đồng bộ, có hệ thống và độ tin cậy cao.

b) Giai đoạn 2016 - 2020:

- Hoàn thành việc xây dựng và đưa vào hoạt động có hiệu quả các trạm quan trắc trong Quy hoạch, bảo đảm tính hợp lý, thống nhất, đồng bộ, hiện đại của mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia;

- Nâng cao năng lực đội ngũ quan trắc viên, kỹ thuật viên và cán bộ quản lý, đáp ứng tốt yêu cầu hoạt động của mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia.

III. Phạm vi của Quy hoạch:

Quy hoạch hoàn thiện mạng lưới quan trắc tài nguyên nước Hà Nội phù hợp với quy hoạch tổng thể mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia đến năm 2020 được giới hạn trong khuôn khổ mạng lưới quan trắc hoạt động tương đối ổn định, lâu dài. Các trạm quan trắc mang tính đặc thù, phục vụ riêng cho dự báo, cảnh báo về các hiện tượng thiên tai nguy hiểm như lũ quét, ngập lụt, động đất và các loại thiên tai khác sẽ được bổ sung, xây dựng theo từng đề án riêng.

IV. Các thành phần cơ bản của mạng lưới quan trắc:

1. Mạng lưới quan trắc tài nguyên nước được xây dựng trên cơ sở duy trì, nâng cấp 84 điểm, 142 công trình quan trắc hiện có và bổ sung 65 điểm, 114 công trình còn thiếu đưa tổng số điểm quan trắc đến năm 2020 là 149 điểm và 256 công trình quan trắc.

- Mạng lưới quan trắc tài nguyên nước mặt đến năm 2020 gồm 21 điểm, trong đó có 07 điểm quan trắc hiện có, 14 điểm quan trắc bổ sung. Các điểm quan trắc này đã được lồng ghép tại các trạm, điểm thuộc mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn;

- Mạng lưới quan trắc tài nguyên nước dưới đất được xây dựng trên cơ sở duy trì, nâng cấp 77 điểm, 135 công trình quan trắc hiện có và bổ sung 51 điểm, 100 công trình còn thiếu đưa tổng số điểm quan trắc đến năm 2020 là 128 điểm và 235 công trình quan trắc.

2. Danh sách các trạm, điểm quan trắc tài nguyên nước được quy hoạch theo mức độ ưu tiên để đầu tư xây dựng, nâng cấp theo hai giai đoạn: 2011 - 2015 và 2016 - 2020 được ghi trong các Phụ lục I, II kèm theo Quyết định này.

V. Các giải pháp chính thực hiện Quy hoạch:

1. Cơ chế tài chính tổ chức thực hiện quy hoạch:

a) Kinh phí thực hiện Dự án theo đúng Quyết định số 6237/QĐ-UBND ngày 30/11/2009 của UBND Thành phố Hà Nội việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ thực hiện Dự án Khảo sát, quy hoạch bổ sung mạng lưới quan trắc nước trên địa bàn Thành phố Hà Nội mở rộng đến năm 2020 và Quyết định số 643/QĐ-TNMT-QLĐĐ ngày 08/12/2009 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt Dự toán Dự án Khảo sát, quy hoạch bổ sung mạng lưới quan trắc nước trên địa bàn Thành phố Hà Nội mở rộng đến năm 2020;

b) Kinh phí để thực hiện Quy hoạch được xác định sau khi Báo cáo đầu tư được phê duyệt;

c) Về nguồn vốn thực hiện quy hoạch: Ngoài nguồn vốn ngân sách nhà nước, cần huy động thêm các nguồn vốn khác từ xã hội, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, vốn ODA, FDI... để thực hiện đầu tư có hiệu quả cho việc phát triển mạng lưới quan trắc tài nguyên nước trên địa bàn Hà Nội.

2. Hoàn thiện về chính sách, pháp luật, kiện toàn tổ chức bộ máy:

a) Xây dựng và ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, quy trình, quy phạm, định mức kinh tế kỹ thuật liên quan đến việc quan trắc, thu thập, xử lý, quản lý và cung cấp thông tin, số liệu điều tra cơ bản về tài nguyên và môi trường theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

b) Kiện toàn tổ chức bộ máy, biên chế; hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quy chế hoạt động của đơn vị quản lý, vận hành mạng lưới quan trắc tài nguyên nước Hà Nội;

c) Rà soát, xây dựng, bổ sung các chính sách khuyến khích, ưu đãi đối với đội ngũ làm công tác quan trắc, điều tra cơ bản tài nguyên và môi trường, đặc biệt đối với các quan trắc viên ở vùng sâu, vùng xa;

d) Tiêu chuẩn hóa nghề nghiệp đối với quan trắc viên.

3. Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, đổi mới công nghệ quan trắc:

a) Tăng cường đầu tư xây dựng các trạm, điểm quan trắc (sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, xây mới), ưu tiên cho các vùng kinh tế trọng điểm, các trạm thuộc mạng lưới dự báo, cảnh báo thiên tai và các khu vực mạng lưới quan trắc trên còn thiếu;

b) Đẩy mạnh đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật, máy móc, thiết bị và công nghệ hiện đại cho hoạt động quan trắc, truyền tin, xử lý, quản lý và cung cấp thông tin, số liệu điều tra cơ bản tài nguyên nước;

VI. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và các Sở, Ban, Ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã trực thuộc xây dựng kế hoạch dài hạn, 5 năm và chi tiết hàng năm để triển khai, thực hiện các nội dung của Quy hoạch; tổ chức thực hiện việc xây dựng và vận hành các trạm, điểm quan trắc tài nguyên nước;

b) Rà soát, sửa đổi, bổ sung và quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức cho các đơn vị làm công tác quan trắc, điều tra cơ bản, quản lý thông tin, số liệu tài nguyên nước thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường quản lý;

c) Cung cấp thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường cho Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Sở, Ban, Ngành, địa phương, đơn vị có nhu cầu, đồng thời công khai hoá các thông tin, số liệu phục vụ nâng cao dân trí, giáo dục, truyền thông, trừ các thông tin, số liệu thuộc danh mục bí mật Nhà nước và Thành phố;

d) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, Ngành và địa phương để thanh tra, kiểm tra và định kỳ sơ kết, tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm việc thực hiện các nội dung của Quy hoạch này;

e) Định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện lên UBND Thành phố Hà Nội và kiến nghị giải quyết những vấn đề mới phát sinh vượt thẩm quyền.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính:

Căn cứ vào các nội dung của Quy hoạch đã được phê duyệt, trên cơ sở đề xuất của Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ngành có liên quan và UBND các Quận, Huyện, Thị xã cân đối, bố trí vốn để thực hiện Quy hoạch đúng tiến độ.

3. Các Sở, Ban, Ngành khác có liên quan:

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường để thống nhất và hoàn thiện các hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ, quy trình, quy phạm và kỹ thuật quan trắc, phương thức trao đổi thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên và môi trường áp dụng cho các trạm, điểm quan trắc do các Sở, ngành quản lý;

b) Tổ chức việc quan trắc các tác động đối với tài nguyên nước từ hoạt động khai thác nước của ngành, lĩnh vực do Sở, ngành quản lý;

c) Gửi thông tin, số liệu quan trắc tài nguyên nước do các Sở, Ban, Ngành quản lý về Sở Tài nguyên và Môi trường.

4. Ủy ban nhân dân Quận, Huyện, Thị xã trực thuộc:

a) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, vận hành và quản lý các điểm quan trắc tài nguyên nước nằm trên địa giới hành chính do UBND Quận, Huyện, Thị xã quản lý;

b) Báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường trong trường hợp có sự cố bất thường hoặc điểm quan trắc nằm trong quy hoạch phải di dời để Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp báo cáo UBND Thành phố chỉ đạo xử lý.

Điều 2. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện các nội dung của Quy hoạch này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở, Ban, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các Quận, Huyện, Thị xã, Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Thành ủy
- Thường trực HĐND Thành phố (đề
- Chủ tịch UBND Thành phố b/c);
- Bộ Tài nguyên và Môi trường
- Các Đ/c PCT UBND Thành phố;
- CVP, PVP, các Phòng CV;
- Lưu: VI, TNMT(5b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Hồng Khanh

**PHỤ LỤC I: DANH SÁCH ĐIỂM, CÔNG TRÌNH QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN
NƯỚC DƯỚI ĐẤT QUY HOẠCH BỔ SUNG ĐỀN NĂM 2020**

Kèm theo Quyết định số: 6187/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2011 của UBND Thành phố Hà Nội

Số TT công trình	Số hiệu tuyển quan	Số hiệu điểm quan trắc	Số hiệu công trình quan trắc	Đối tượng quan trắc	Vị trí		Nhiệm vụ	Thời gian thực hiện xây dựng mới	
					Xã, Phường, Thị trấn	Quận, Huyện, Thị xã		2011 - 2015	2016 - 2020
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	I	P.1	P.BS1b	qh	Phú Minh	Sóc Sơn	Nghiên cứu động thái thủy văn	x	
2			P.BS1a	qp				x	
3		P.5	P.BS5b	qh	Thanh Thủy		Nghiên cứu động thái khí tượng-tươi	x	
4			P.BS5a	qp				x	
5		P.7	P.BS7b	qh	Tân Ước		Nghiên cứu động thái khí tượng-tươi	x	
6			P.BS7a	qp				x	
7		P.8	P.BS8b	qh	Hồng Dương	Thanh Oai	Nghiên cứu động thái khí tượng-tươi và cân bằng nước	x	
10			P.BS8a	qp				x	
8			P.BS8b1	qh				x	
11			P.BS8a1	qp				x	
9			P.BS8b3	qh				x	
12		P.BS8a3	qp	x					
13		P.12	P.BS12b	qh	Phú Túc	Phú Xuyên	Nghiên cứu động thái khí tượng-tươi	x	
14			P.BS12a	qp				x	
15		P.13	P.BS13b	qh	Hồng Quang	Ứng Hòa	Nghiên cứu động thái thủy văn	x	
16			P.BS13a	qp				x	
17	III	P.3	P.BS3b	qh	Phù Đổng	Gia Lâm	Nghiên cứu động thái thủy văn		
18			P.BS3a	qp					
19		P.4	P.BS4b	qh	Đông Dư				
20			P.BS4a	qp					
21	IV	P.20	P.BS20b	qh	An Khánh	Hoài Đức	Nghiên cứu động thái bị phá hủy do khai thác nước		x
22			P.BS20a	qp					x
23		P.21	P.BS21b	qh	Thị Trấn Quốc Oai	Quốc Oai	Nghiên cứu động thái khí tượng-thủy văn		x
24			P.BS21a	qp					x
25		P.22	P.BS22b	qh	Ngọc Liệp				x
26			P.BS22a	qp					x



(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
27	V	P.6	P.BS6b	qh	Chương Dương	Thường Tín	Nghiên cứu động thái khí tượng-thủy văn		x	
28			P.BS6a	qp					x	
29		P.16	P.BS16b	qh	Hoàng Diệu	Chương Mỹ	Nghiên cứu động thái khí tượng-thủy văn		x	
30			P.BS16a	qp					x	
31		P.17	P.BS17b	qh	Hợp Đồng		Nghiên cứu động thái khí tượng-tươi		x	
32			P.BS17a	qp					x	
33		P.18	P.BS18b	qh	Tốt Động		Nghiên cứu động thái khí tượng-tươi		x	
34			P.BS18a	qp					x	
35	VI	P.9	P.BS9b	qh	Thống Nhất		Thường Tín	Nghiên cứu động thái khí tượng-thủy văn	x	
36			P.BS9a	qp						x
37		P.8	P.BS8b2	qh	Hồng Dương	Thanh Oai	Nghiên cứu cân bằng nước	x		
38			P.BS8a2	qp					x	
39			P.BS8b4	qh					x	
40			P.BS8a4	qp					x	
41			P.BS8b5	qh					x	
42			P.BS8a5	qp					x	
43			P.BS8b6	qh					x	
44			P.BS8a6	qp					x	
45		P.15	P.BS15b	qh	Đồng Tâm		Mỹ Đức	Nghiên cứu động thái khí tượng-tươi	x	
46			P.BS15a	qp						x

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)		
47	VII	P.10	P.BS10b	qh	Hồng Thái	Phú Xuyên	Nghiên cứu động thái khí tượng-thủy văn	x			
48			P.BS10a	qp			Nghiên cứu động thái thủy văn	x			
49		P.11	P.BS11b	qh	Liên Bát	Ứng Hòa	Nghiên cứu động thái khí tượng-tươi	x			
50			P.BS11a	qp			Nghiên cứu động thái khí tượng	x			
51		P.14	P.BS14b	qh	Sơn Công		Nghiên cứu động thái khí tượng-thủy văn	x			
52			P.BS14a	qp			Nghiên cứu động thái thủy văn	x			
53	VIII	P.19	P.BS19b	qh	Cần Hữu		Quốc Oai	Nghiên cứu động thái khí tượng-tươi	x		
54			P.BS19a	qp				Nghiên cứu động thái khí tượng	x		
55		P.29	P.BS29b	qh	Tràng Việt	Mê Linh	Nghiên cứu động thái khí tượng-thủy văn	x			
56			P.BS29a	qp			Nghiên cứu động thái thủy văn	x			
57		P.30	P.BS30b	qh	Thanh Xuân		Sóc Sơn	Nghiên cứu động thái khí tượng-thủy văn	x		
58			P.BS30a	qp				Nghiên cứu động thái thủy văn	x		
59	IX	P.24	P.BS24b	qh	Tam Thuận			Phúc Thọ	Nghiên cứu động thái khí tượng-tươi và cân bằng nước		x
60			P.BS24a	qp					Nghiên cứu động thái khí tượng và cân bằng nước		x
61			P.BS24b1	qh						x	
62			P.BS24a1	qp						x	
63			P.BS24b2	qh					x		
64			P.BS24a2	qp					x		
65			P.BS24b3	qh					x		
66			P.BS24a3	qp					x		
67			P.BS24b4	qh					x		
68			P.BS24a4	qp					x		
69			P.BS24b5	qh					Quan sát khí bơm thí nghiệm P.BS24b	x	
70			P.BS24a5	qp					Quan sát khí bơm thí nghiệm P.BS24a	x	

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	
71			P.BS24b6	qh			Quan sát khí bơm thí nghiệm P.BS24b		x	
72			P.BS24a6	qp			Quan sát khí bơm thí nghiệm P.BS24a		x	
73		P.27	P.BS27b	qh	Chu Phan	Mê Linh	Nghiên cứu động thái khí tượng-thủy văn		x	
74			P.BS27a	qp					x	
75		P.28	P.BS28b	qh	Tam Đồng	Mê Linh	Nghiên cứu động thái khí tượng-tươi		x	
76			P.BS28a	qp					x	
77	X	P.23	P.BS23b	qh	Song Phụng	Đan Phụng	Nghiên cứu động thái khí tượng-thủy văn		x	
78				P.BS23a				qp		x
79		P.25	P.BS25b	qh	Võng Xuyên	Phúc thọ	Nghiên cứu động thái khí tượng		x	
80				P.BS25a				qp		x
81	XI	P.26	P.BS26b	qh	Vân Phúc	Phúc thọ	Nghiên cứu động thái khí tượng-thủy văn		x	
82				P.BS26a				qp		x
83	Phân tán	P.2	P.BS2b	qh	Xuân Thu	Sóc Sơn	Nghiên cứu động thái khí tượng-thủy văn		x	
84				P.BS2a				qp		x
85			P.33	P.BS33b	qh	Bắc Phú		Nghiên cứu động thái khí tượng-tươi		x
86			P.34	P.BS34b	qh	Sải Đồng	Gia Lâm			x
87				P.BS34a	qp					x
88			P.35	P.BS35b	qh	Sải Đồng	Gia Lâm			x
89				P.BS35a	qp					x
90			P.36	P.BS36b	qh	Sải Đồng	Gia Lâm			x
91				P.BS36a	qp					x
92			P.37	P.BS37a	qp	Kim Chung	Đông Anh	Nghiên cứu động thái tự nhiên bị phá hủy do khai thác nước		x
93		P.39	P.BS38a	qp					x	
94		P.39	P.BS39a	qp	Kim Chung	Đông Anh			x	
95		P.40	P.BS40b	qh						
96			P.BS40a	qp	Sen Chiêu	Sơn Tây			x	
97		P.41	P.BS41b	qh						
98			P.BS41a	qp					x	
99		P.42	P.BS42b	qh	Sen Chiêu	Sơn Tây			x	
100			P.BS42a	qp						
Tổng cộng								40	60	

**PHỤ LỤC II: DANH SÁCH ĐIỂM, CÔNG TRÌNH QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN
NƯỚC MẶT QUY HOẠCH BỔ SUNG ĐẾN NĂM 2020**

Kèm theo Quyết định số: 6187/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2011 của UBND Thành phố Hà Nội

Số TT công trình	Tên sông, hồ	Điểm tương quan trắc	Điểm tương quan trắc	Vị trí		Nhiệm vụ	Thời gian thực hiện xây dựng mới	
				Xã, Phường, Thị trấn	Quận, Huyện, Thị xã		2011 - 2015	2016 - 2020
1	Hồng	P.BSSH ₀	Sông	Phú Thịnh	Sơn Tây	Thu thập tài liệu mực nước, nhiệt độ, lưu lượng, thành phần hóa học nước		x
2		P.BSSH ₅	Sông	Quang Lãng	Phú Xuyên	Quan trắc mực nước, nhiệt độ nước, lưu lượng, thành phần hóa học nước		x
3	Đuống	P.BSSĐV ₀	Sông	Xuân Canh	Đông Anh	Quan trắc mực nước, nhiệt độ nước, thành phần hóa học		x
4		P.BSSĐV ₁	Sông	Lệ Chi	Long Biên	Quan trắc mực nước, nhiệt độ nước, thành phần hóa học		x
5	Đáy	P.BSSĐ ₀	Sông	Trung Châu	Đan Phượng	Quan trắc mực nước, nhiệt độ nước, lưu lượng, thành phần hóa học nước	x	
6		P.BSSĐ ₂	Sông	Hồng Quang	Ứng Hòa	Quan trắc mực nước, nhiệt độ, lưu lượng, thành phần hóa học nước	x	
7	Nhuệ	P.BSSN ₀	Sông	Liên Mạc	Từ Liêm	Quan trắc mực nước, nhiệt độ nước, lưu lượng, thành phần hóa học nước	x	
8		P.BSSN ₁	Sông	Châu Can	Phú Xuyên	Quan trắc mực nước, nhiệt độ nước, lưu lượng, thành phần hóa học nước	x	
9	Tô Lịch	P.BSTL ₀	Sông	Thụy Khê	Tây Hồ	Quan trắc mực nước, lưu lượng, nhiệt độ nước, thành phần hóa học nước	x	
10		P.BSTL ₁	Sông	Ngũ Hiệp	Thanh Trì	Quan trắc mực nước, lưu lượng, nhiệt độ nước, thành phần hóa học,	x	

Số TT công trình	Tên sông, hồ	Đối tượng quan trắc	Đối tượng quan trắc	Vị trí		Nhiệm vụ	Thời gian thực hiện xây dựng mới	
				Xã, Phường, Thị trấn	Quận, Huyện, Thị xã		2011 - 2015	2016 - 2020
11	Cà Lô	P.BSCL ₀	Sông	Kim Hoa	Mê Linh	Quan trắc mực nước, lưu lượng, nhiệt độ nước, thành phần hóa học nước		x
12		P.BSCL ₂	Sông	Việt Long	Sóc Sơn	Quan trắc mực nước, lưu lượng, nhiệt độ, thành phần hóa học nước		x
13	Hồ Linh Đàm	P.BSHLD	Hồ	Linh Đàm	Hoàng Mai	Quan trắc mực nước, nhiệt độ, thành phần hóa học nước		x
14	Hồ Yên Sở	P.BSHYS	Hồ	Yên Sở	Hoàng Mai	Quan trắc mực nước, nhiệt độ, thành phần hóa học nước		x
Tổng cộng							6	8